

Họ và tên:

Lớp:

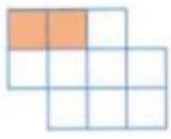
Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Kết nối tri thức

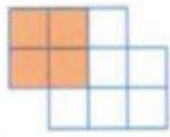
Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)**Câu 1.** Số gồm 5 trăm triệu, 3 chục triệu, 9 chục nghìn, 7 trăm, 6 đơn vị là:

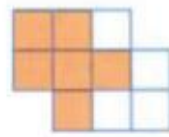
- A. 530 090 706 B. 530 900 706 C. 503 090 706 D. 503 090 076

Câu 2. Hình ảnh nào biểu thị phân số $\frac{1}{2}$?

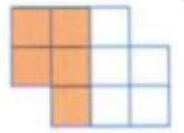
A.



B.



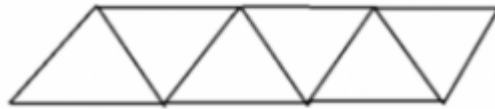
C.



D.

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{64}{72}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{16}{18}$ B. $\frac{8}{9}$ C. $\frac{5}{8}$ D. $\frac{7}{9}$

Câu 4. Hình vẽ dưới đây có số hình bình hành là:

- A. 6 hình B. 8 hình C. 9 hình D. 10 hình

Câu 5. Một cửa hàng có 112 m vải. Hôm qua cửa hàng bán được $\frac{3}{7}$ số mét vải. Hôm nay, cửa hàngbán được $\frac{1}{4}$ số mét vải. Vậy cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

- A. 76 m B. 48 m C. 36 m D. 64 m

Câu 6. Một tấm gỗ hình chữ nhật có diện tích là $\frac{7}{8}$ m² và chiều rộng là $\frac{3}{4}$ m. Tính chu vi của tấm gỗ đó.

- A. $\frac{13}{4}$ m B. $\frac{13}{8}$ m C. $\frac{23}{12}$ m D. $\frac{23}{6}$ m

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

31 659 x 17

115 669 : 37

.....

.....

Câu 2. Tính

$\frac{5}{11} - \frac{11}{33} =$

$\frac{5}{18} : \frac{7}{6} =$

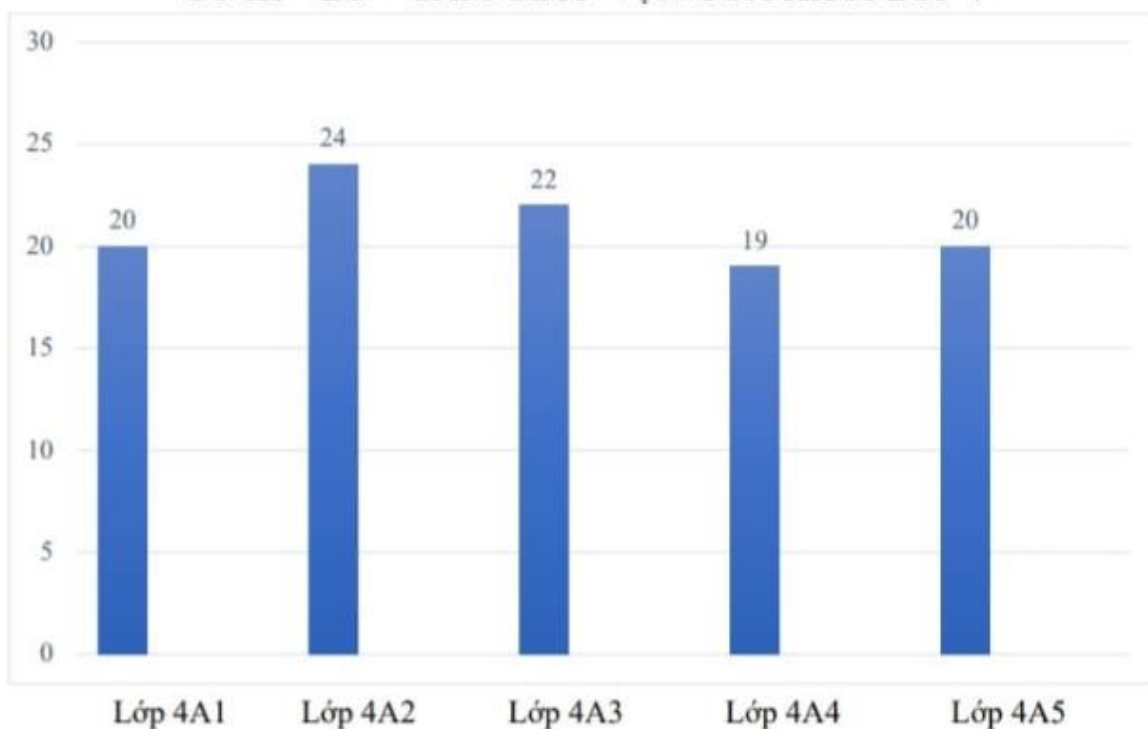
$\frac{7}{12} + \frac{3}{4} \times \frac{2}{9} =$

$\frac{1}{4} + \frac{5}{24} : \frac{2}{3} =$

Câu 3. Quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi:

Biểu đồ cho biết số kg sách báo cũ của các lớp khối Bốn quyên góp ủng hộ học sinh vùng cao.

SỐ KI – LÔ – GAM GIẤY Vụn CỦA KHỐI LỚP 4



a) Có lớp quyên góp trên 20 kg sách báo cũ. Đó là các lớp

b) Trung bình mỗi lớp quyên góp được kg sách báo cũ.

Câu 4. Trong thùng có 126 quả táo. Người ta lấy ra $\frac{5}{7}$ số quả táo trong thùng để chia vào 6 hộp.

Hỏi 24 hộp như vậy có bao nhiêu quả táo?

.....

.....
.....
Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

$$87 \times 16\,293 - 87 \times 6\,293$$

$$\frac{9}{14} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{5}{14} - \frac{2}{7}$$

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số gồm 5 trăm triệu, 3 chục triệu, 9 chục nghìn, 7 trăm, 6 đơn vị là:

- A. 530 090 706 B. 530 900 706 C. 503 090 706 D. 503 090 076

Phương pháp

Dựa vào cách viết số có tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp triệu, lớp nghìn, lớp đơn vị.

Lời giải

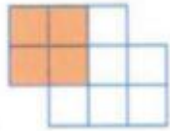
Số gồm 5 trăm triệu, 3 chục triệu, 9 chục nghìn, 7 trăm, 6 đơn vị là 530 090 706.

Đáp án: A

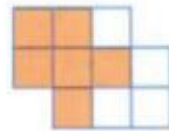
Câu 2. Hình ảnh nào biểu thị phân số $\frac{1}{2}$?



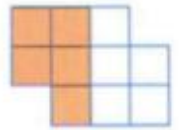
A.



B.



C.



D.

Phương pháp

Phân số chỉ số phần được tô màu có tử số là số phần được tô màu, mẫu số là số phần bằng nhau.

Lời giải

Hình ảnh biểu thị phân số $\frac{1}{2}$ là D.

Đáp án: D

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{64}{72}$ ta được phân số tối giản là:

- A. $\frac{16}{18}$ B. $\frac{8}{9}$ C. $\frac{5}{8}$ D. $\frac{7}{9}$

Phương pháp

- Xét xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.

- Chia tử số và mẫu số cho số đó.

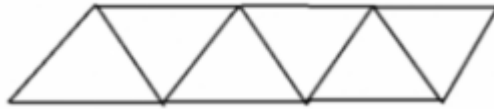
Cứ làm như thế cho đến khi nhận được phân số tối giản

Lời giải

$$\frac{64}{72} = \frac{64:8}{72:8} = \frac{8}{9}$$

Đáp án: B

Câu 4. Hình vẽ dưới đây có số hình bình hành là:



- A. 6 hình B. 8 hình C. 9 hình D. 10 hình

Phương pháp

Hình bình hành có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

Lời giải

Hình vẽ bên có 9 hình bình hành.

Đáp án: C

Câu 5. Một cửa hàng có 112 m vải. Hôm qua cửa hàng bán được $\frac{3}{7}$ số mét vải. Hôm nay, cửa hàng bán được $\frac{1}{4}$ số mét vải. Vậy cả hai ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải?

- A. 76 m B. 48 m C. 36 m D. 64 m

Phương pháp

- Số mét vải hôm qua cửa hàng bán được = Số mét vải cửa hàng có x $\frac{3}{7}$

- Số mét vải hôm nay cửa hàng bán được = Số mét vải cửa hàng có x $\frac{1}{4}$

- Tìm tổng số mét vải cửa hàng bán được trong 2 ngày

Lời giải

Số mét vải hôm qua cửa hàng bán được là $112 \times \frac{3}{7} = 48$ (m)

Số mét vải hôm nay cửa hàng bán được là $112 \times \frac{1}{4} = 28$ (m)

Cả hai ngày cửa hàng bán được số mét vải là $48 + 28 = 76$ (m)

Đáp án: A

Câu 6. Một tấm gỗ hình chữ nhật có diện tích là $\frac{7}{8}$ m² và chiều rộng là $\frac{3}{4}$ m. Tính chu vi của tấm gỗ đó.

- A. $\frac{13}{4}$ m B. $\frac{13}{8}$ m C. $\frac{23}{12}$ m D. $\frac{23}{6}$ m

Phương pháp

- Tìm chiều dài tấm gỗ = diện tích : chiều rộng

- Chu vi tấm gỗ = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Lời giải

Chiều dài tấm gỗ là: $\frac{7}{8} : \frac{3}{4} = \frac{7}{6}$ (m)

Chu vi của tấm gỗ đó là: $(\frac{7}{6} + \frac{3}{4}) \times 2 = \frac{23}{6}$ (m)

Đáp án: D

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

31 659 x 17

115 669 : 37

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 31659 \\ \times 17 \\ \hline 221613 \\ 31659 \\ \hline 538203 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 115669 \mid 37 \\ 46 \mid 3126 \\ 96 \\ 229 \\ 7 \end{array}$$

Câu 2. Tính

$\frac{5}{11} - \frac{11}{33} = \dots\dots\dots$

$\frac{5}{18} : \frac{7}{6} = \dots\dots\dots$

$\frac{7}{12} + \frac{3}{4} \times \frac{2}{9} = \dots\dots\dots$

$\frac{1}{4} + \frac{5}{24} : \frac{2}{3} = \dots\dots\dots$

Phương pháp

- Muốn cộng hoặc trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó, rồi cộng hoặc trừ hai phân số sau khi quy đồng.
- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.
- Muốn chia hai phân số, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.
- Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính ở trong ngoặc trước.

Lời giải

$\frac{5}{11} - \frac{11}{33} = \frac{15}{33} - \frac{11}{33} = \frac{4}{33}$

$\frac{5}{18} : \frac{7}{6} = \frac{5}{18} \times \frac{6}{7} = \frac{5 \times 6}{6 \times 3 \times 7} = \frac{5}{21}$

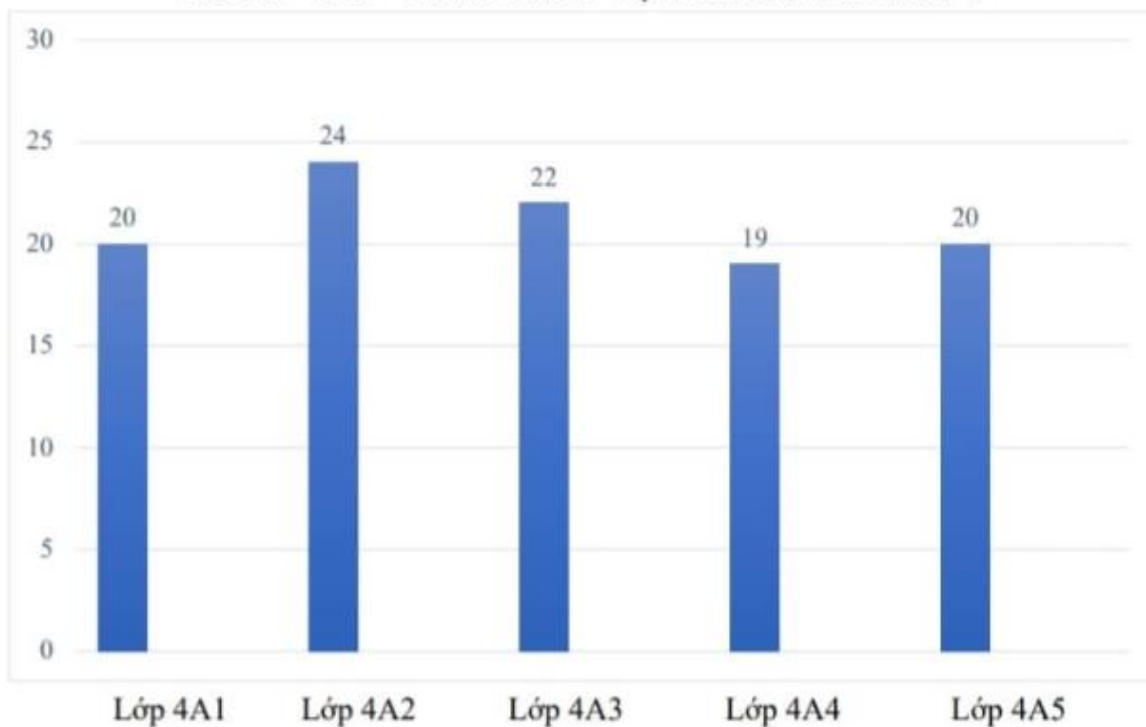
$$\frac{7}{12} + \frac{3}{4} \times \frac{2}{9} = \frac{7}{12} + \frac{1}{6} = \frac{7}{12} + \frac{2}{12} = \frac{9}{12} = \frac{3}{4}$$

$$\frac{1}{4} + \frac{5}{24} : \frac{2}{3} = \frac{1}{4} + \frac{5}{24} \times \frac{3}{2} = \frac{1}{4} + \frac{5}{16} = \frac{4}{16} + \frac{5}{16} = \frac{9}{16}$$

Câu 3. Quan sát biểu đồ và trả lời câu hỏi:

Biểu đồ cho biết số kg sách báo cũ của các lớp khối Bốn quyên góp ủng hộ học sinh vùng cao.

SỐ KI – LÔ – GAM GIẤY Vụn CỦA KHỐI LỚP 4



a) Có lớp quyên góp trên 20 kg sách báo cũ. Đó là các lớp

b) Trung bình mỗi lớp quyên góp được kg sách báo cũ.

Phương pháp

Dựa vào thông tin trên biểu đồ rồi điền số thích hợp vào chỗ trống.

Lời giải

a) Có **2** lớp quyên góp trên 20 kg sách báo cũ. Đó là các lớp **4A2, 4A3**.

b) Trung bình mỗi lớp quyên góp được $(20 + 24 + 22 + 19 + 20) : 5 = \mathbf{21}$ kg sách báo cũ.

Câu 4. Trong thùng có 126 quả táo. Người ta lấy ra $\frac{5}{7}$ số quả táo trong thùng để chia vào 6 hộp.

Hỏi 24 hộp như vậy có bao nhiêu quả táo?

Phương pháp

- Tìm $\frac{5}{7}$ số quả táo trong thùng = Số táo trong thùng $\times \frac{5}{7}$

- Tìm số táo trong mỗi hộp = $\frac{5}{7}$ số quả táo trong thùng : 6

- Tìm số quả táo trong 24 hộp = số táo trong mỗi hộp $\times 24$

Lời giải

$\frac{5}{7}$ số quả táo trong thùng là:

$$126 \times \frac{5}{7} = 90 \text{ (quả táo)}$$

Số quả táo trong mỗi hộp là:

$$90 : 6 = 15 \text{ (quả)}$$

24 hộp như vậy có bao nhiêu quả táo là:

$$15 \times 24 = 360 \text{ (quả)}$$

Đáp số: 360 quả táo

Câu 5. Tính bằng cách thuận tiện.

$$87 \times 16\,293 - 87 \times 6\,293$$

$$\frac{9}{14} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{5}{14} - \frac{2}{7}$$

Phương pháp

Áp dụng công thức:

$$a \times b - a \times c = a \times (b - c)$$

$$a \times b + a \times c = a \times (b + c)$$

Lời giải

$$\begin{aligned} 87 \times 16\,293 - 87 \times 6\,293 &= 87 \times (16\,293 - 6\,293) \\ &= 87 \times 10\,000 \\ &= 870\,000 \end{aligned}$$

$$\frac{9}{14} \times \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \times \frac{5}{14} - \frac{2}{7} = \frac{3}{7} \times \left(\frac{9}{14} + \frac{5}{14} \right) - \frac{2}{7} = \frac{3}{7} \times 1 - \frac{2}{7} = \frac{1}{7}$$